

Số: 208A/2019/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Cửu, ngày 01 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ vào Điều 150, 212, 397, 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 334/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số nhà 215/38, tỉnh lộ 768, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nhữ Mai T, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Số nhà 215/38, tỉnh lộ 768, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Nhữ Mai T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai ngày 08/9/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2012. Căn cứ vào Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh T đều xác định anh, chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, dẫn đến anh, chị đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2014 cho đến nay, từ khi sống ly thân không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bồng bế người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay

anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị T và anh T đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là thực sự tự nguyện và phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Nhữ Mai Thiên B, sinh ngày 11/12/2013. Sau khi ly hôn chị T và anh T thống nhất giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận này của anh, chị là đảm bảo quyền lợi chính đáng của con vì từ khi sinh ra đến nay cháu B do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cháu B được phát triển toàn diện. Thỏa thuận này là đảm bảo lợi ích chính đáng của chị T và cháu B và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị T, anh T không thỏa thuận được người có nghĩa vụ chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị T và anh T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T và anh Nhữ Mai T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nhữ Mai Thiên B, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Lê Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nhữ Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh T phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được trừ vào số tiền 150.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu lệ phí Tòa án số 0001973 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

Chị T phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Được trừ vào số tiền 150.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu lệ phí Tòa án số 0001974 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V,
tỉnh Đồng Nai;
(GCKKH số 67 ngày 08/9/2012)
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Lê Thị Bình